

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2023

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Bích Loan.

2. Ông Vũ Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bình Em – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Cẩm D, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thạch T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

(Bà D có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 16/5/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm D trình bày:

Do mai mối và được gia đình hai bên đồng ý nên vào năm 2009 bà và ông Nguyễn Thạch T xác lập quan hệ vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/6/2009.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại ấp 6, xã T, huyện B, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do ông T không có trách nhiệm lo cho gia đình, từ đó vợ chồng thường hay cãi vã nhau, vợ chồng bà đã ly

thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống bà và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thảo Vy, sinh ngày 18/4/2010. Hiện con chung đang sống với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Sự việc đã được Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập thủ tục hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn ông Nguyễn Thạch T vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

Nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Lê Thị Cẩm D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thạch T, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Bến Lức thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Nguyên đơn bà Lê Thị Cẩm D có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Thạch T đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà D và ông T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét thấy, bà Lê Thị Cẩm D và ông Nguyễn Thạch T do mai mối và được gia đình hai bên đồng ý, đã xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/6/2009, hôn nhân của bà D và ông T là hợp pháp. Bà D và ông T do mai mối và đi đến hôn nhân, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Theo bà Hiếu, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là ông Sứ không có trách nhiệm lo cho gia đình, vợ chồng bà đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Ông T vắng mặt và không thể hiện ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà D. Xét thấy tình cảm vợ chồng của bà D và ông T đã mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu của bà D được ly hôn với ông T phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà D và ông T xác định quá trình chung sống bà D, ông T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thảo Vy, sinh ngày 18/4/2010. Xét thấy, cháu Vy đang sống cùng bà D, tại bản tự khai của cháu Vy thì nguyện vọng của cháu Vy là sống cùng với bà D, ông T vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ý kiến về việc nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định về môi trường sinh hoạt của cháu Vy, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là phù hợp nên được chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Do ông T không có văn bản gì trình bày vấn đề này, bà D xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp, sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[3] Về án phí: Buộc bà Lê Thị Cẩm D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Cẩm D đối với ông Nguyễn Thạch T về việc ly hôn.

Về hôn nhân: Cho bà Lê Thị Cẩm D được ly hôn với ông Nguyễn Thạch T.

Về nuôi con chung: Bà Lê Thị Cẩm D và ông Nguyễn Thạch T có 01 con chung là Nguyễn Thị Thảo Vy, sinh ngày 18/4/2010. Giao con chung tên Nguyễn Thị Thảo Vy, sinh ngày 18/4/2010 cho bà Lê Thị Cẩm D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên ông T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Cẩm D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009925 ngày 26/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức. Bà D đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- THADS huyện Bến Lức;
- UBND xã Thạnh Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thu Thảo